

RELATIVE CLAUSE - MỆNH ĐỀ QUAN HỆ

A. RELATIVE CLAUSES

- Mệnh đề quan hệ (hay mệnh đề tính ngữ) bổ nghĩa, nhấn mạnh cho **danh từ đứng** trước nó.

Who: người (S)

Whom: người (O)

Whose: của ai (người – vật sở hữu)

Which: vật

Where: nơi chốn

When: thời gian

Why: lí do

That: Thay thế người + vật

1. Đại từ quan hệ (Relative Clauses)

a. WHO: thay thế cho **người**, làm **chủ ngữ** trong MĐQH.

Ex: - I need to meet the boy. The boy is my friend's son.

→ I need to meet the boy **who is** my friend's son.

- The woman is standing over there. She is my sister.

→ The woman who is my sister is standing over there.

→ The woman who is standing over there is my sister.

b. WHO/ WHOM: thay thế cho người, làm **tân ngữ** trong MĐQH.

Ex: - I know the girl. I spoke to this girl.

→ I know the girl **who/ whom** I spoke to.

→ I know the girl whom/who I spoke to.

- **The man** is my teacher. Your father is talking to **him**.

→ The man whom/who your father is talking to is my teacher.

c. WHICH: - thay thế **đồ vật**, làm chủ ngữ, tân ngữ trong MĐQH.

Ex: - She works for **a company**. **It** makes cars

→ She works for a company **which** makes cars.

- **Elephants** are big. People keep **elephants** in iron cages.

→ Elephants which people keep in iron cages are big.

- Thay thế cho cả mệnh đề đứng trước nó

Ex: He passed his exam. This pleased his parents.

He passed his exam, which pleased his parents.

d. THAT: thay thế cho cả người và vật

Ex: - I need to meet the boy that/ who is my friend's son.

- I know the girl that/ who/ whom I spoke to.

- She works for a company that/ which makes cars.

- The elephants that/ which people keep in iron cages are big.

*** Những trường hợp thường dùng THAT:**

- Sau cụm từ quan hệ vừa chỉ người và vật:

Ex: He told me *the places and people* that he had seen in London.

- Sau đại từ bất định: *something, anyone, nobody, all, much*

Ex: I'll tell you *something* that is very interesting.

All that is mine is yours.

- Sau các tính từ **so sánh nhất, only, first, last**

Ex: - This is the *most* beautiful dress that I have.

- You are the *only* person that can help us.

- Trong cấu trúc It + be + ... + that ... (chính là ...)

Ex: *It is* my friend that wrote this sentence.

(Chính là bạn tôi đã viết câu này.)

*** Những trường hợp không dùng THAT:**

- Trong mệnh đề tính từ không xác định.

Ex: ~~Mr Brown, that we studied English with,~~ is a very nice teacher.

- Sau giới từ

Ex: ~~The house in that I was born~~ is for sale.

The house which I was born in is for sale.

→ The house in which I was born is for sale.

e. WHOSE (OF WHICH): thay thế cho sở hữu của người, vật (his-, her-, its-, their-).

Ex: - John found the cat. Its leg was broken.

→ John found the cat whose leg was broken.

- This is the student. I borrowed his book. → This is the student whose book I borrowed.

2. Trạng từ quan hệ (Relative Adverbs)

a. WHERE (in/ on/ at which): thay thế cho **cụm từ chỉ nơi chốn**

Ex: - The movie theater is **the place**. We can see films **at that place**.

→ The movie theater is the place **where** we can see films.

→ The movie theater is the place **at which** we can see films.

b. WHEN (in/ on which): thay thế cho cụm từ **chỉ thời gian**

giới từ + N = adv

at + that place

Ex: - Do you remember **the day**. We first met **on that day**.

→ Do you remember the day **when** we first met?

→ Do you remember the day on which we first met?

c. WHY (for which): thay thế cho cụm trạng từ **chỉ lí do**

Ex: - Tell me **the reason**. You are so sad for **that reason**.

→ Tell me the reason **why** you are so sad.

CÁCH LÀM BÀI NÓI CÂU VỚI ĐẠI TỪ QUAN HỆ

- Xác định 2 từ giống nhau ở 2 câu
- Bỏ từ thứ 2
- Thêm đại từ quan hệ sau danh từ thứ 1
- Có thể đảo về câu khi ĐTQH đứng ở đầu câu (dịch)

EXERCISE 1 : Combine each pair of sentences, using a relative pronoun.

1. The girl is my cousin. She chatted with you yesterday.
→
2. The man is very kind. He spent 15 minutes measuring our kitchen
→
3. The architect designed these flats. He has moved to HCM City.
→
4. The young boy is naughty. He rides an expensive motorbike.
→
5. I'm reading the book. I bought it in 1996.
→
6. Do you know the man? He is sharing the flat with me.
→
7. The young man is Ba's brother. He is talking to our teacher.
→
8. We visited the monument. It was built a hundred years ago.
→
9. The boys are interested in the game. It is a popular game all over the world.
→
10. You have no need to tell me the reason. You are often late for work for that reason.
→
11. We visited the people. They are homeless after the flood: lũ lụt – drought: hạn hán.
→
12. I don't like the films. They have unhappy ending.
→
13. I know the man. His son broke your windows.
→
14. The girl is very kind. Her parents work with me.
→
15. The village has around 200 people. The majority of them are farmers.

→.....

16. She hasn't eaten anything. This makes her parents worried.

→.....

17. The student is from China. He sits next to me.

→.....

18. I thanked the woman. This woman had helped me.

→.....

19. Mr. Pike is excellent. I am taking his course.

→.....

20. Shakespeare wrote plays. People have enjoyed them for four centuries.

→.....

EXERCISE 2: CHOOSE THE BEST ANSWER: 12/15 câu

1. That's my friend, _____ comes from Japan.

- A. which B. who C. whom D. where.

2. The plants which _____ in the living room need a lot of water.

- A. are B. be C. is D. was

3. She's the woman _____ sister looks after the baby for us.

- A. who B. which C. that's D. whose

4. That's the doctor for _____ Cliff works.

- A. that B. which C. whom D. whose

5. Marie, _____ I met at the party, called me last night.

- A. that B. whom C. which D. whose

6. I remember Alice, _____ rode the bus to school with.

- A. I B. whom I C. which I D. who

7. I used to enjoy the summer, _____ we had a big family picnic.

- A. where B. when C. which D. that

8. Tell me about the city _____ you grew up.

- A. that B. where C. which D. ø

9. Anna found the book that _____ wanted at the bookshop.

- A. ø B. where C. she D. which

10. Please remember to take back to the library all the books _____ are due this week.

- A. ø B. that C. when D. they

11. I saw a lot of new people at the party, _____ seemed familiar.

- A. some of whom B. some of who C. whom D. some of that

12. My friend eventually decided to quit her job, _____ upset me a lot

- A. that B. when C. which D. who

13. Is there anything else _____ you want to ask?

- A. what B. where C. whom D. that

14. They have just visited the town _____ location was little known.

- A. where B. whose C. which D. that

15. He lives in a small town _____.

- A. where is called Taunton B. which is called Taunton
C. is called Taunton D. that called Taunton